

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-40
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	16-40



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012, Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 và Quyết định số 133/QĐ-UBCK ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Chủ tịch
Ông Tô Thành Vinh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Sanh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Tổng Giám đốc
Ông Tô Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ	Trưởng ban
Bà Dương Thị Trinh	Ủy viên
Bà Bùi Thị Bích Thu	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2019

Số: 050919.009/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được lập ngày 05 tháng 09 năm 2019, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 07- "Các khoản phải thu", Công ty đang trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Trong đó, giá trị tài sản đảm bảo là các cổ phiếu OTC được Công ty xác định căn cứ theo báo giá của các tổ chức kinh doanh chứng khoán khác. Tổng giá trị tài sản đảm bảo của các cổ phiếu OTC Công ty đang sử dụng để đảm bảo cho các khoản phải thu là 127.530.000.000 đồng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 10- "Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược", Công ty đang đặt cọc cho Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân số tiền 110 tỷ đồng với mục đích đặt cọc mua bất động sản làm văn phòng Công ty. Để đảm bảo cho khoản đặt cọc này, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân ký kết các biên bản bảo lãnh với Công ty. Tài sản được bảo lãnh tại thời điểm 30/06/2019 là 2.067.000 Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư quốc tế Vạn Xuân phát hành, giá trị theo xác định của các bên là 93.015.000.000 đồng. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân cam kết bảo lãnh số tiền đặt cọc nêu trên bằng 1.700.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân với giá trị theo xác định là 17.000.000.000 đồng. Giá trị các tài sản đảm bảo này được xác định căn cứ theo báo giá của các tổ chức kinh doanh chứng khoán khác.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không liên quan đến kết luận soát xét chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019		01/01/2019	
			VND		VND	
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		203.828.339.943		224.354.052.547	
110	I. Tài sản tài chính		92.921.616.628		113.967.286.068	
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	99.037.402		995.788.623	
111.1	1.1 Tiền		99.037.402		995.788.623	
112	1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	30.916.780.000		30.916.360.000	
114	2. Các khoản cho vay	5				
116	3. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	12.283.054.972 (823.700.000)		11.440.771.379 (823.700.000)	
117	4. Các khoản phải thu	7	6.400.000.000		6.400.000.000	
117.1	4.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		6.400.000.000		6.400.000.000	
118	5. Trả trước cho người bán		138.326.692		259.085.000	
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	65.711.609.524		65.786.786.536	
122	7. Các khoản phải thu khác	7	5.706.488.668		7.499.277.138	
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(27.509.980.630)		(8.507.082.608)	
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		110.906.723.315		110.386.766.479	
131	1. Tạm ứng		770.333.412		248.893.310	
134	2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	110.000.000.000		110.000.000.000	
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		18.553.994		18.553.994	
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	117.835.909		117.835.909	
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		-		1.483.266	
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.571.753.730		7.821.665.574	
220	II. Tài sản cố định		2.668.880.586		1.982.195.105	
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	928.384.955		66.111.772	
222	- Nguyên giá		11.183.701.188		10.284.936.188	
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.255.316.233)		(10.218.824.416)	
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.740.495.631		1.916.083.333	
228	- Nguyên giá		5.859.199.277		5.800.924.277	
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.118.703.646)		(3.884.840.944)	
250	V. Tài sản dài hạn khác		5.902.873.144		5.839.470.469	
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	636.528.240		636.528.240	
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	577.217.104		537.913.105	
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	4.689.127.800		4.665.029.124	
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		212.400.093.673		232.175.718.121	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17.126.467.641	14.356.861.272
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		17.126.467.641	14.356.861.272
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	5.862.937.426	5.862.937.426
312	1.1 Vay ngắn hạn		5.862.937.426	5.862.937.426
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn		129.167.500	2.204.103
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	230.000.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	445.505.288	490.446.768
323	6. Phải trả người lao động		167.754.649	9.533.721
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		54.071.326	27.717.622
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	632.580.076	123.780.076
328	9. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		81.000.000	81.000.000
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	9.753.451.376	7.529.241.556
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		195.273.626.032	217.818.856.849
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	195.273.626.032	217.818.856.849
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		355.958.850.000	355.958.850.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		341.333.000.000	341.333.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		341.333.000.000	341.333.000.000
411.2	1.3 Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	14.625.850.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		-	(510.000.000)
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		1.813.981.917	1.813.981.917
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.813.981.917	1.813.981.917
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		(164.313.187.802)	(141.257.956.985)
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(164.302.757.802)	(141.247.106.985)
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(10.430.000)	(10.850.000)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		212.400.093.673	232.175.718.121

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
-------	----------	-------------	------------	------------

A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT

005	1. Ngoại tệ các loại	129	129	
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành	34.133.300	34.133.300	
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	7.000.000	7.000.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	22.433.170.000	22.433.170.000

B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG

021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	664.630.137.050	917.577.450.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		657.042.690.550	879.487.010.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		7.587.446.500	38.090.440.000
023	2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	23	5.020.410.000	6.705.877.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
026	3. Tiền gửi của khách hàng	24	16.360.468.816	2.172.929.580
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		14.120.158.167	1.153.222.959
029	3.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		2.240.310.649	1.019.706.621
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		2.238.575.320	1.019.706.621
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		1.735.329	-
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	16.360.468.816	2.172.929.580
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		16.358.733.487	2.144.092.254
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.735.329	28.837.326

Hoàng Thị Châu
Người lập

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Biểu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019		Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	
			VND		VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		420.000		2.930.000
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	27.a)	420.000		2.930.000
03	1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	27.b)	63.421.249		22.749.458
06	1.3	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.336.826.359		2.092.475.374
08	1.4	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		234.090.909		100.000.000
09	1.5	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		97.880.705		161.501.755
20		Cộng doanh thu hoạt động		1.732.639.222		2.379.656.587
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
27	2.1	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		2.188.632.853		2.070.821.708
28	2.2	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		73.583.613		41.097.104
29	2.3	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		135.617.047		77.552.674
30	2.4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		200.220.916		241.890.464
32	2.5	Chi phí các dịch vụ khác	28	20.386.122		230.372.759
40		Cộng chi phí hoạt động		2.618.440.551		2.661.734.709

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,

phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

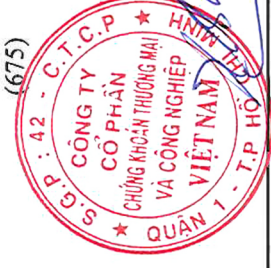
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	VND	
			Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
			VND	VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		22.896.842	78.443.767
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		22.896.842	78.443.767
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	4.1 Chi phí lãi vay		-	1.362.738
60	Cộng chi phí tài chính		-	1.362.738
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	29	22.135.977.177	(713.151.982)
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(22.998.881.664)	508.154.889
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	30	148.364.077	149.626.719
72	8.2 Chi phí khác	31	204.713.230	147.272.728
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(56.349.153)	2.353.991
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(23.055.230.817)	510.508.880
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(23.055.650.817)	507.578.880
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		420.000	2.930.000
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	32	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(23.055.230.817)	510.508.880
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	33	(675)	15



Hoàng Thị Châu
Người lập



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
		VND	VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận tiền từ hoạt động kinh doanh		(23.055.230.817)	510.508.880
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		19.783.252.541	(5.191.675.741)
03	- Khấu hao tài sản cố định		270.354.519	176.610.791
04	- Các khoản dự phòng		19.002.898.022	(5.291.205.503)
06	- Chi phí lãi vay		-	1.362.738
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		510.000.000	(78.443.767)
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(420.000)	(2.930.000)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(420.000)	(2.930.000)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.332.687.055	2.483.476.630
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(842.283.593)	1.699.548.593
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(154.822.988)	(915.535.144)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		1.792.788.470	5.281.190.503
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(545.538.778)	(334.792.338)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		508.800.000	(7.408.218.501)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(39.303.999)	(500.478.272)
44	- Lãi vay đã trả		-	(1.362.738)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		247.721.705	(2.623.807.528)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		27.836.970	59.327.564
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(44.941.480)	(53.028.558)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		158.220.928	(53.172.028)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		2.224.209.820	7.333.805.077
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		60.288.779	(2.200.620.231)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(957.040.000)	-
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	78.443.767
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(957.040.000)	78.443.767

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019		Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	
			VND	VND	VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
73	1. Tiền vay gốc		-		3.570.000.000	
73.2	1.1 Tiền vay khác		-		3.570.000.000	
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		-		(1.500.000.000)	
74.3	2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		-		(1.500.000.000)	
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-		2.070.000.000	
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		(896.751.221)		(52.176.464)	
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		995.788.623		559.511.793	
101.1	- Tiền		995.788.623		559.511.793	
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		99.037.402		507.335.329	
103.1	- Tiền		99.037.402		507.335.329	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,

Báo cáo tài chính giữa niên độ

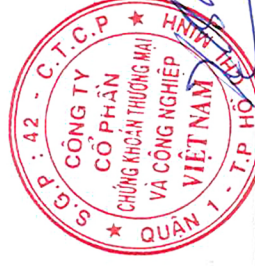
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019		Từ 01/01/2018	
			đến 30/06/2019		đến 30/06/2018	
			VND		VND	
I.	Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng					
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		403.559.754.677		447.222.294.798	
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(335.268.935.523)		(571.254.705.203)	
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		156.601.675.972		1.470.174.672.728	
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(210.704.955.890)		(722.145.050.955)	
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		23.093.051.032		13.639.041.792	
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(23.093.051.032)		(13.639.041.792)	
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		14.187.539.236		623.997.211.368	
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		2.172.929.580		2.925.331.433	
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		2.172.929.580		2.925.331.433	
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.153.222.959		2.705.459.895	
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.019.706.621		219.871.538	
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		16.360.468.816		626.922.542.801	
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		16.360.468.816		626.922.542.801	
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		14.120.158.167		625.783.932.018	
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		2.240.310.649		1.138.610.783	



Hoàng Thị Châu
Người lập

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Biểu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
Phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Ký kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		01/01/2018	01/01/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	30/06/2018	30/06/2019
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		355.958.850.000	355.958.850.000	-	-	VND	VND
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		341.333.000.000	341.333.000.000	-	-	341.333.000.000	341.333.000.000
1.2 Thành dư vốn cổ phần		14.625.850.000	14.625.850.000	-	-	14.625.850.000	14.625.850.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		1.813.981.917	1.813.981.917	-	-	1.813.981.917	1.813.981.917
3. Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	1.813.981.917	-	-	1.813.981.917	1.813.981.917
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(510.000.000)	(510.000.000)	-	-	(510.000.000)	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		(142.896.993.279)	(141.257.956.985)	510.508.880	(23.055.230.817)	(142.386.484.399)	(164.313.187.802)
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(142.880.693.279)	(141.247.106.985)	507.578.880	(23.055.650.817)	(142.373.114.399)	(164.302.757.802)
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(16.300.000)	(10.850.000)	2.930.000	420.000	(13.370.000)	(10.430.000)
TỔNG CỘNG		216.179.820.555	217.818.856.849	510.508.880	(22.545.230.817)	216.690.329.435	195.273.626.032



Nguyễn Xuân Biếu
Tổng Giám đốc

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Châu
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐ/KD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010,

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 341.333.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 341.333.000.000 đồng; tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Tầng 8, tháp B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Chi nhánh Hà Thành	Tầng 4, Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại thời điểm 30/06/2019, lỗ lũy kế trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty là âm 164,31 tỷ đồng, hoạt động của Công ty duy trì ở mức độ cầm chừng. Sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trong yếu tố thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đang có kế hoạch mở rộng thêm cơ sở kinh doanh, phát triển thêm khách hàng trong năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,

Báo cáo tài chính giữa niên độ

phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sở tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chỉ tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (nếu giảm)" và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chỉ tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gần liên với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	02 - 08 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tiêu tốn loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,

Báo cáo tài chính giữa niên độ

phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.15 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi có định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.16 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.17 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không có định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay.

2.18 . Các khoản thuế

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

- b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.21 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là môi giới chứng khoán và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của nhà đầu tư	64.767.181	738.828.690.200
- Cổ phiếu	64.767.181	738.828.690.200
	<u>64.767.181</u>	<u>738.828.690.200</u>
4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	10.579.224	558.889.108
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	86.571.139	435.488.986
	1.887.039	1.410.529
	<u>99.037.402</u>	<u>995.788.623</u>

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	29.750.000	19.320.000	29.750.000	18.900.000
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	30.897.460.000	30.897.460.000	30.897.460.000	30.897.460.000
	<u>30.927.210.000</u>	<u>30.916.780.000</u>	<u>30.927.210.000</u>	<u>30.916.360.000</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

b) Các khoản cho vay

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Hoạt động ứng trước tiền bán	12.283.054.972	11.440.771.379
	<u>12.283.054.972</u>	<u>11.440.771.379</u>

c) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)

Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
30/06/2019	VND	01/01/2019	VND	30/06/2019	VND	01/01/2019	VND	30/06/2019	VND
30.927.210.000	30.927.210.000	30.916.780.000	30.916.360.000	-	(10.430.000)	(10.850.000)	(10.850.000)	30.916.780.000	30.916.360.000
FVTPL									
Cổ phiếu niêm yết									
- Sàn Hà Nội									
29.750.000	29.750.000	19.320.000	18.900.000	-	(10.430.000)	(10.850.000)	(10.850.000)	18.900.000	18.900.000
29.750.000	29.750.000	19.320.000	18.900.000	-	(10.430.000)	(10.850.000)	(10.850.000)	18.900.000	18.900.000
NET									
29.750.000	29.750.000	19.320.000	18.900.000	-	(10.430.000)	(10.850.000)	(10.850.000)	18.900.000	18.900.000
30.897.460.000	30.897.460.000	30.897.460.000	30.897.460.000	-	-	-	-	30.897.460.000	30.897.460.000
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)									
- Công ty CP Xuất nhập khẩu									
Đông Đô									
9.600.000.000	9.600.000.000	9.600.000.000	9.600.000.000	-	-	-	-	9.600.000.000	9.600.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 68									
11.897.460.000	11.897.460.000	11.897.460.000	11.897.460.000	-	-	-	-	11.897.460.000	11.897.460.000
- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hà Nội									
9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	-	-	-	-	9.400.000.000	9.400.000.000
AFS									
Cổ phiếu niêm yết									
510.000.000	510.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
510.000.000	510.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Ủy thác đầu tư góp vốn									
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP đầu tư thời báo Chứng khoán Việt Nam									
-	510.000.000	-	-	-	-	-	(510.000.000)	-	-
30.927.210.000	31.437.210.000	30.916.780.000	30.916.360.000	-	(10.430.000)	(520.850.000)	(520.850.000)	30.916.780.000	30.916.360.000

Ghi chú:

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết là giá đóng cửa trên sàn chứng khoán HNX tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 30/06/2019.

(*) Tại thời điểm 30/06/2019, Công ty không thu thập được báo giá của 03 công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài Chính để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu này, theo đó giá trị hợp lý được tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THỂ CHẤP

	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	823.700.000	823.700.000

823.700.000	823.700.000
--------------------	--------------------

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU**Các khoản phải thu ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính (*)	6.400.000.000	6.400.000.000
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	65.711.609.524	65.786.786.536
- <i>Phải thu khách hàng hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (**)</i>	65.711.609.524	65.786.786.536
Phải thu khác	5.706.488.668	7.499.277.138
- <i>Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (**)</i>	2.592.489.126	4.385.277.596
- <i>Phải thu CBCNV hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (**)</i>	2.342.499.570	2.342.499.570
- <i>Phải thu khác</i>	771.499.972	771.499.972

77.818.098.192	79.686.063.674
-----------------------	-----------------------

(*) Khoản phải thu khách hàng về bán tài sản tài chính được cam kết bảo lãnh bằng số dư chứng khoán trong các tài khoản được sử dụng để bảo lãnh. Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng và chuyển nhượng tài sản đảm bảo của các tài khoản này để bảo lãnh cho các khoản phải thu này. Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu bán các tài sản tài chính căn cứ theo giá chứng khoán tại thời điểm 30/06/2019 là 5.008.240.800 đồng. Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng và chuyển nhượng tài sản đảm bảo này và đã trích lập dự phòng phải thu đối với phần thâm hụt với số tiền là 1.391.759.200 đồng.

(**) Khoản phải thu khách hàng về hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ và lãi phải thu liên quan đến các hợp đồng này được cam kết bảo lãnh bằng số dư chứng khoán trong các tài khoản được sử dụng để bảo lãnh. Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng và chuyển nhượng tài sản đảm bảo này. Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu khách hàng hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ cùng với khoản phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ căn cứ theo giá chứng khoán đối với chứng khoán niêm yết và giá xác định theo báo giá của các tổ chức kinh doanh chứng khoán đối với các cổ phiếu OTC tại thời điểm 30/06/2019 là 142.164.965.800 đồng. Trong đó, giá trị tài sản đảm bảo là chứng khoán niêm yết là 14.634.965.800 đồng, giá trị tài sản đảm bảo là cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Vạn Xuân là 127.530.000.000 đồng (tương ứng: 2.834.000 cổ phiếu được bà Nguyễn Thị Hạnh Liên bảo lãnh, chi tiết xem tại thuyết minh số 36).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÓI

Giá trị phải thu khó đòi	Số đầu kỳ	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số cuối kỳ	Kỳ trước VND	Kỳ này	
						VND	VND
Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (1)	72.111.609.524	1.007.805.470	20.870.863.504	(75.177.012)	21.803.491.962	-	-
- Phải thu khách hàng hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	65.711.609.524	1.007.805.470	19.479.104.304	(75.177.012)	20.411.732.762	-	-
- Phải thu bán các tài sản tài chính	6.400.000.000	-	1.391.759.200	-	1.391.759.200	-	-
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác (2)	5.706.488.668	7.499.277.138	(1.792.788.470)	(1.792.788.470)	5.706.488.668	(5.291.205.503)	(5.285.367.583)
- Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	2.592.489.126	4.385.277.596	-	(1.792.788.470)	2.592.489.126	(5.285.367.583)	(5.285.367.583)
- Phải thu CBCNV hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	2.342.499.570	2.342.499.570	-	-	2.342.499.570	(5.837.920)	(5.837.920)
- Phải thu khác	771.499.972	771.499.972	-	-	771.499.972	-	-
77.818.098.192	8.507.082.608	20.870.863.504	(1.867.965.482)	27.509.980.630	(5.291.205.503)		

(1) Căn cứ trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu này dựa trên giá trị thâm hụt khoản phải thu, theo đó dự phòng được xác định bằng số dư phải thu trừ đi giá trị thì tương ứng của tài sản đảm bảo tại ngày lập báo cáo tài chính.

(2) Dự phòng phải thu khó đòi khác được xác định theo mức trích lập dự phòng theo thời gian quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,

Báo cáo tài chính giữa niên độ

phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí sửa chữa văn phòng	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	389.584.332	487.200.414
	187.632.772	50.712.691
	577.217.104	537.913.105

10 . CÀM CỐ, THẺ CHÁP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC**a) Ngắn hạn**

Đặt cọc mua văn phòng (*)	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
	110.000.000.000	110.000.000.000
	110.000.000.000	110.000.000.000

b) Dài hạn

Đặt cọc thuê văn phòng tại Hội sở và các chi nhánh	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
	636.528.240	636.528.240
	636.528.240	636.528.240

(*) Khoản tiền đặt cọc mua bất động sản làm văn phòng Công ty theo hợp đồng môi giới số 02.2015/VICS-VLX ngày 05/01/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân. Theo Phụ lục hợp đồng số 16/02.2015/VICS-VLX ngày 05/04/2019, hai bên tiếp tục thời gian gia hạn hợp đồng 03 tháng kể từ ngày 05/04/2019 đến ngày 05/07/2019, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân tiếp tục nhận khoản tiền 110 tỷ đồng Công ty đã chuyển để làm căn cứ tìm vị trí để Công ty làm văn phòng trụ sở.

Theo hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa Bà Nguyễn Thị Hạnh Liên (Bên bảo lãnh), Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân (Bên được bảo lãnh) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Bên nhận bảo lãnh) ngày 23/08/2019, Bên Bảo lãnh đồng ý sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thay cho bên nhận bảo lãnh. Tài sản được bảo lãnh là 2.067.000 Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư quốc tế Vạn Xuân phát hành. Giá trị được xác định theo báo giá của các tổ chức kinh doanh chứng khoán khác là 93.015.000.000 đồng. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân cam kết bảo lãnh số tiền đặt cọc nêu trên bằng 1.700.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân với giá trị định giá là 17.000.000.000 đồng. Vics có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng và chuyển nhượng tài sản đảm bảo này để bảo lãnh cho khoản tiền mà Vics đã đặt cọc cho Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân. Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho khoản đặt cọc này cứ theo báo giá của các tổ chức kinh doanh chứng khoán tại thời điểm 30/06/2019 là 110.015.000.000 đồng.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế Thu nhập doanh nghiệp	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
	117.835.909	117.835.909
	117.835.909	117.835.909

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND		VND		VND		VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2019	1.127.495.850		3.615.436.604		5.542.003.734		10.284.936.188
Mua trong kỳ	898.765.000		-		-		898.765.000
Tại ngày 30/06/2019	2.026.260.850		3.615.436.604		5.542.003.734		11.183.701.188
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2019	1.061.384.078		3.615.436.604		5.542.003.734		10.218.824.416
Khấu hao trong kỳ	36.491.817		-		-		36.491.817
Tại ngày 30/06/2019	1.097.875.895		3.615.436.604		5.542.003.734		10.255.316.233
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2019	66.111.772		-		-		66.111.772
Tại ngày 30/06/2019	928.384.955		-		-		928.384.955

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.214.935.488 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nguyên giá	Phần mềm giao dịch, kế toán		VND
Tại ngày 01/01/2019	5.800.924.277		
Mua trong kỳ	58.275.000		
Tại ngày 30/06/2019	5.859.199.277		
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	3.884.840.944		
Khấu hao trong kỳ	233.862.702		
Tại ngày 30/06/2019	4.118.703.646		
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	1.916.083.333		
Tại ngày 30/06/2019	1.740.495.631		

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.535.924.277 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.673.810.251	2.649.711.575
Tiền lãi phân bổ	1.895.317.549	1.895.317.549

Số dư cuối kỳ

4.689.127.800	4.665.029.124
----------------------	----------------------

15 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND

Công ty TNHH NN

MTV Đầu tư và

Phát triển Nông

ng nghiệp Hà Nội (1)

5.862.937.426

-

-

5.862.937.426

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(1) Khoản vay Công ty TNHH NN MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội theo hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/12/2010, phụ lục ngày 01/09/2013 với nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 9%/năm. Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty và Công ty TNHH NN MTV Đầu tư và phát triển Nông Nghiệp Hà Nội 2 bên không tính lãi phát sinh từ năm 2018.
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: tín chấp.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	64.881.813	76.636.014
Thuế Thu nhập cá nhân	380.623.475	413.810.754
	445.505.288	490.446.768

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	632.580.076	123.780.076
	632.580.076	123.780.076

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,

Báo cáo tài chính giữa niên độ

phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGÁN HẠN KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	104.625.000	104.625.000
Phải trả Công ty TNHH NN MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội về lãi vay	7.417.018.501	7.417.018.501
Phải trả Bà Nguyễn Thị Hạnh Liên	2.199.890.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.917.875	7.598.055
	9.753.451.376	7.529.241.556

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2019 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 VND
Bà Nguyễn Thị Thảo	7,15%	24.397.000.000	7,15%	24.397.000.000
Các cổ đông khác (dưới 5%)	92,85%	316.936.000.000	92,85%	316.936.000.000
	100%	341.333.000.000	100%	341.333.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	(164.302.757.802)	(141.247.106.985)
	(164.313.187.802)	(141.257.956.985)

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(141.247.106.985)	(142.880.693.279)
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối kỳ kế toán	(10.430.000)	(13.370.000)
Lỗ/lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	(23.055.650.817)	507.578.880
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	(164.302.757.802)	(142.373.114.399)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối kỳ kế	(164.302.757.802)	(142.373.114.399)

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	7.000.000	7.000.000
	7.000.000	7.000.000

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	22.433.170.000	22.433.170.000
	22.433.170.000	22.433.170.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	657.042.690.550	879.487.010.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	7.587.446.500	38.090.440.000
	<u>664.630.137.050</u>	<u>917.577.450.000</u>
23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	5.020.410.000	6.705.877.500
	<u>5.020.410.000</u>	<u>6.705.877.500</u>
24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	14.120.158.167	1.153.222.959
1. Nhà đầu tư trong nước	14.120.158.167	1.124.385.633
2. Nhà đầu tư nước ngoài	-	28.837.326
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	2.240.310.649	1.019.706.621
1. Nhà đầu tư trong nước	2.238.575.320	1.019.706.621
2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.735.329	-
	<u>16.360.468.816</u>	<u>2.172.929.580</u>
25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	14.120.158.167	1.153.222.959
1.1. Nhà đầu tư trong nước	14.120.158.167	1.124.385.633
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	-	28.837.326
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	2.240.310.649	1.019.706.621
2.1. Nhà đầu tư trong nước	2.238.575.320	1.019.706.621
2.2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.735.329	-
	<u>16.360.468.816</u>	<u>2.172.929.580</u>
26 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	12.283.054.972	11.440.771.379
1.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	12.283.054.972	11.440.771.379
	<u>12.283.054.972</u>	<u>11.440.771.379</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,

phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

27. THU NHẬP

a) · Chênh lệch danh giá lãi các tài sản tài chính

[illegible]

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, AFS	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Từ các khoản cho vay	63.421.249	22.749.458

63.421.249
22.749.458**28 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
VND	VND
20.386.122	230.372.759
20.386.122	230.372.759
20.386.122	230.372.759

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác

- Chi phí dịch vụ tài chính khác

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
VND	VND
1.179.227.188	1.702.126.200
66.248.355	123.286.175
169.975.018	11.530.071
54.854.519	68.860.791
5.427.400	5.575.642
19.002.898.022	(5.291.205.503)
904.024.729	1.412.964.580
753.321.946	1.253.710.062
22.135.977.177	(713.151.982)

Chi phí lương và các khoản theo lương

Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN

Chi phí công cụ, dụng cụ**Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT****Chi phí thuế, phí và lệ phí****Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng****Chi phí dịch vụ mua ngoài****Chi phí khác****30 . THU NHẬP KHÁC**

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
VND	VND
148.363.636	147.272.728
441	2.353.991
148.364.077	149.626.719

Tiền cho thuê lại văn phòng**Các khoản khác**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí văn phòng cho thuê	148.363.636	147.272.728
Các khoản khác	56.349.594	-

204.713.230	147.272.728
--------------------	--------------------

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.055.230.817)	510.508.880
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(510.508.880)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(510.508.880)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(23.055.230.817)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(23.055.230.817)	510.508.880
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(23.055.230.817)	510.508.880
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	34.133.300	34.133.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(675)	15

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc/GTHL	Dự phòng	Giá gốc/GTHL	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.037.402	-	995.788.623	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	30.916.780.000	-	30.916.360.000	-
Các khoản cho vay	12.283.054.972	-	11.440.771.379	-
Các khoản phải thu	77.818.098.192	(27.509.980.630)	79.686.063.674	(8.507.082.608)
	<u>121.116.970.566</u>	<u>(27.509.980.630)</u>	<u>123.038.983.676</u>	<u>(8.507.082.608)</u>
Vay và nợ				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			30/06/2019	01/01/2019
Chi phí phải trả			VND	VND
			5.862.937.426	5.862.937.426
			9.882.618.876	7.531.445.659
			632.580.076	123.780.076
			<u>16.378.136.378</u>	<u>13.518.163.161</u>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá trong lai của cổ phiếu đầu tư.

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	30.916.780.000	-	-	30.916.780.000
	<u>30.916.780.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>30.916.780.000</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	30.916.360.000	-	-	30.916.360.000
	<u>30.916.360.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>30.916.360.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,

Báo cáo tài chính giữa niên độ

phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.037.402	-	-	99.037.402
Các khoản cho vay	12.283.054.972	-	-	12.283.054.972
Các khoản phải thu	50.308.117.562	-	-	50.308.117.562
	62.690.209.936	-	-	62.690.209.936
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	995.788.623	-	-	995.788.623
Các khoản cho vay	11.440.771.379	-	-	11.440.771.379
Các khoản phải thu	71.178.981.066	-	-	71.178.981.066
	83.615.541.068	-	-	83.615.541.068

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2019				
Vay và nợ	5.862.937.426	-	-	5.862.937.426
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	9.882.618.876	-	-	9.882.618.876
Chi phí phải trả	632.580.076	-	-	632.580.076
	16.378.136.378	-	-	16.378.136.378

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

	Tại ngày 01/01/2019	
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
	VND	VND
Vay và nợ	5.862.937.426	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	7.531.445.659	-
Chi phí phải trả	123.780.076	-
	123.780.076	-

	123.780.076	-	123.780.076
	13.518.163.161	-	13.518.163.161

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
		VND	VND

Chi phí thuế văn phòng, thuế xe

Công ty CP Đầu tư Quốc tế Vạn Xuân	(*)	-	525.360.000
------------------------------------	-----	---	-------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND

Phải thu tiền ký quỹ ký cược

Công ty CP Đầu tư Quốc tế Vạn Xuân	(*)	-	287.694.000
------------------------------------	-----	---	-------------

Phải trả khác

Bà Nguyễn Thị Hạnh Liên	(**)	2.199.890.000	-
-------------------------	------	---------------	---

(*) Phó chủ tịch HĐQT Công ty năm 2018 - Ông Nguyễn Xuân Ngọc là Giám đốc Công ty CP Đầu tư Quốc tế Vạn Xuân.

(**) Bà Liên là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty.

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Bà Nguyễn Thị Hạnh Liên- Vợ chủ tịch HĐQT Công ty cam kết sử dụng 4.901.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Vạn Xuân với giá trị theo định giá của các bên là 220.545.000.000 đồng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân bao gồm nợ đặt cọc mua văn phòng số tiền 110.000.000.000 đồng (Thuyết minh số 10) và nợ gốc và lãi hợp tác kinh doanh chứng khoán số tiền 47.803.566.052 đồng (Thuyết minh số 07).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,

Báo cáo tài chính giữa niên độ
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của Tổng Giám đốc		
	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	VND VND
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	VND VND
		236.157.782 239.345.780
		268.179.248 296.475.382

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



Hoàng Thị Châu
Người lập

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2019